TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30/7/2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Với T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngọ Văn Tỉnh.

Các Hội thẩm nhân nhân: 1. Bà Phùng Thị Khánh Vân

2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2018/QĐST ngày 13/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích T1, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 3, xã BL, huyện MX, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Hồ Trung T2, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, ấp 6, xã HB, huyện MX, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2018 và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị Bích T1 trình bày như sau:

Bà T1 và ông T2 sau khi tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị mai mối hay ép buộc. Sau khi kết hôn, bà T1 và ông T2 sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, ông T2 không quan tâm đến vợ con, ông T2 hay nhậu nhẹt, đánh đập vợ con. Hai bên xuyên cãi vã nên tình cảm vợ chồng dần rạn nứt dù đã cùng nhau hàn gắn tình cảm nhiều lần và được gia đình hai bên hòa giải động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không T2. Hiện tại bà T1 và ông T2 đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay không còn liên hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Vì tình cảm vợ chồng với ông T2 thực sự không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T1 theo các nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà T1 yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Trung T2.

- Về con chung: Bà T1 và ông T2 có 01 con chung là cháu Hồ T1 Linh, sinh ngày 20/02/2011. Bà T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng T2 và không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Hồ Trung T2, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo kiểm tra giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải và các giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng ông T2 vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và hai phiên tòa là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Qua xem xét nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp*:

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T2 vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do, vì vậy xét xử vắng mặt ông T2 là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "*Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn*" giữa bà Lê Thị Bích T1 với ông Hồ Trung T2 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào năm 2010 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, hai người chung sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình hai người không hợp nhau, nên hay xảy ra xung đột và cải vã lẫn nhau, nhiều lần còn xúc phạm lẫn nhau giữa hai người đã tìm hướng giải quyết nhưng không khắc phục được mâu thuẫn.

Xét yêu cầu của bà T1 cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra ông T2 và bà T1 phải cùng tìm nguyên nhân để hàn gắn vợ chồng và xây dựng gia đình nhưng từ đầu năm 2012 đến nay mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, sau khi bà T1 gửi đơn đến Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không có kết quả vì lý do ông vắng mặt. Qua xác minh chính quyền,

đoàn thể địa phương cho rằng, giữa ông T2 và bà T1 mâu thuẫn kéo dài, dù hai gia đình ở hai xã cạnh nhau nhưng khi bà T1 về nhà mẹ đẻ sinh sống, ông T2 cũng không có động thái gì để hàn gắn vợ chồng khi tình cảm đang rạn nứt.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của ông T2, bà Thảo thực sự không còn tình trạng hôn nhân nhân trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài vì trong giai đoạn này là sự quyết liệt ly hôn của bà T1 và sự thờ ơ của ông T2 cho chính quan hệ hôn nhân đang rạn nứt của mình thì cơ hội đoàn tụ vợ chồng là không có. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1.

[3]. *Về con chung*: Bà T1 và ông T2 có 01 con chung là cháu Hồ T1 Linh, sinh ngày 20/02/2011. Bà T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng T2 và không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của bà T1 cho thấy từ khi bà T1 nộp đơn yêu cầu ly hôn đến nay ông T2 không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình về việc nuôi dưỡng con chung, bên cạnh đó cháu Linh hiện đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng muốn ở với mẹ, do đó căn cứ vào điều kiện thực tế để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu cũng như quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nên giao cháu Linh cho bà T1 nuôi dưỡng là phù hợp, bà T1 tự nguyện không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T1 không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 bà T1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 , 81, 82, 83, 84, 107 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Bích T1 được ly hôn với ông Hồ Trung T2.

2. Về con chung: Bà T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ T1 Linh, sinh ngày 20/02/2011. Bà T1 tự nguyện không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa T2 niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các T2 viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, có thể yêu cầu cấp dưỡng và mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà T1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân & Gia đình bà T1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007652 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Như vậy bà T1 đã nộp đủ án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận hoặc được niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện XM;
- THADS huyện XM;
- UBND xã (TT) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ

NGỌ VĂN TỈNH

Nơi nhận:
- Các đương sự**;**
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Tòa án tỉnh; VKSND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

NGỌ VĂN TỈNH